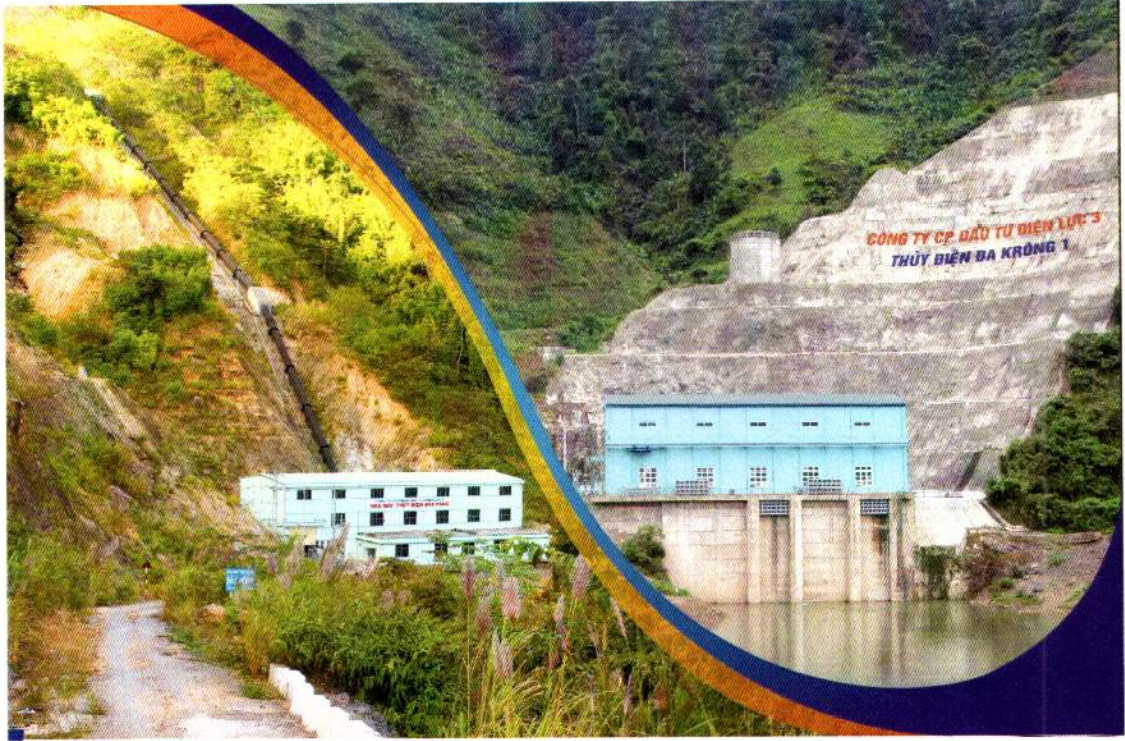




EVN CPC
PC3-INVEST

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
Địa chỉ: 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.2212545 - Fax: 0236.2221000
Website: <https://pc3invest.cpc.vn>



TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2021

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 41 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
báo cáo công tác quản lý, điều hành công ty năm 2020
và kế hoạch kinh doanh năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 27/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020; báo cáo công tác quản lý, điều hành công ty năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

PHẦN I: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

I.1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

I.1.1. Tình hình chung của PC3-INVEST

Theo kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST) có các nhiệm vụ trọng tâm là: quản lý vận hành hai NMTĐ Đắk Pône và Đa Krông 1 với chỉ tiêu sản lượng điện 81,43 triệu kWh, tổng doanh thu 104,06 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN là 19,56 tỷ đồng; thực hiện các thủ tục bổ sung quy hoạch dự án NM Điện gió Tân Lập; chuẩn bị đầu tư Dự án thủy điện Đắk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B. Tình hình hoạt động của PC3-INVEST diễn ra trong những điều kiện sau:

a. Về thuận lợi: PC3-INVEST nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cổ đông, đặc biệt là Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC), sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh Quảng Trị, Kon Tum, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và đặc biệt là tinh thần vượt khó, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của CBCNV.

b. Về khó khăn: Thời tiết khô hạn kéo dài trong 9 tháng đầu năm gây thiếu nước để phát điện, nhưng lại mưa bão, lũ lụt dồn dập gây sạt lở đất và nhiều tình huống nguy hiểm trong vận hành thủy điện ở 3 tháng cuối năm; tình trạng quá tải lưới điện truyền tải 110kV làm hạn chế năng lực phát điện của các nhà máy trở nên thường xuyên hơn. Công tác chuẩn bị đầu tư phụ thuộc vào sự chấp thuận của các cơ quan QLNN địa phương và Bộ Công Thương nên không chủ động được. Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động điều hành và đời sống của CBCNV.

Với tinh thần khắc phục khó khăn, toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động của PC3-INVEST đã nỗ lực vượt khó và đạt được các mục tiêu trọng yếu như sau:

I.1.2. Công tác sản xuất kinh doanh điện năng

Năm 2020, tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 83,66 triệu kWh, đạt 102,74% so với kế hoạch (trong đó, NMTĐ Đắk Pône phát 54,01 triệu kWh, đạt 94,76% kế hoạch và NMTĐ Đa Krông 1 phát 29,65 triệu kWh, đạt 121,37% kế hoạch); tổng doanh thu đạt 102,85 tỷ đồng (đạt 98,84% kế hoạch), trong đó doanh thu bán điện 101,56 tỷ đồng (đạt 98,02% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 19,74 tỷ đồng, đạt 100,89% kế hoạch.

PC3-INVEST đã thực hiện tốt chủ đề “Năm an toàn lao động” của EVNCPC phát động, đảm bảo tuyệt đối ATVSLEĐ (không có tai nạn lao động, không có sự cố chủ quan). Công tác vận hành các nhà máy thủy điện đã tuân

thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước về BVMT, PCCN, PCTT-TKCN. Trong năm có 05 Đoàn kiểm tra về các nội dung liên quan công tác sản xuất điện, qua các đợt kiểm tra các Đoàn đều ghi nhận PC3-INVEST đã cố gắng tuân thủ các quy định của Nhà nước, không có sai sót hay vi phạm.

Công tác bảo trì các nhà máy được thực hiện chủ động, hiệu quả theo phương pháp dựa trên tư duy rủi ro (RBM - Risk Based Maintenance), đã tiết kiệm chi phí, giảm bớt nhọc nhằn cho công nhân nhưng luôn đảm bảo năng lực phát điện của các nhà máy. Các NMTĐ đã tận dụng tối đa hiệu quả nguồn nước, chủ động ứng phó với hình thái thời tiết nguy hiểm và khắc phục khó khăn do dịch COVID-19... duy trì sản xuất an toàn và hiệu quả.

Bảng 1: Kết quả SXKD năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Tổng sản lượng điện phát (GWh)	81,43	83,66	102,74
2	Giá bán điện bình quân (đồng/kWh)	1.272,42	1.213,93	95,40
3	Tổng doanh thu (3.1+3.2+3.3)	104.060,54	102.850,90	98,84
3.1	<i>Doanh thu SX điện</i>	<i>103.610,54</i>	<i>101.558,76</i>	<i>98,02</i>
3.2	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>450,00</i>	<i>879,42</i>	<i>195,43</i>
3.3	<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	<i>0,00</i>	<i>412,72</i>	
4	Tổng chi phí (4.1+4.2+4.3)	83.360,94	82.103,65	98,49
4.1	<i>Chi phí SX điện</i>	<i>66.280,80</i>	<i>62.040,77</i>	<i>93,60</i>
4.2	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>17.080,14</i>	<i>16.482,24</i>	<i>96,50</i>
4.3	<i>Chi phí hoạt động khác</i>		<i>3.580,64</i>	
5	Lợi nhuận trước thuế (3)-(4)	20.699,60	20.747,25	100,23
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.134,98	1.008,34	88,84
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (5)-(6)	19.564,62	19.738,91	100,89

I.1.3. Công tác đầu tư xây dựng

Công tác quản lý ĐTXD được thực hiện đảm bảo các quy định của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Công tác ĐTXD năm 2020 chủ yếu là khâu chuẩn bị thủ tục đầu tư:

I.1.3.1. Dự án NMTĐ Tân Lập - 30MW

Trong năm 2020, PC3-INVEST đã hoàn thành tất cả các yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Trị, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương và các Cơ quan QLNN có liên quan về thủ tục bổ sung quy hoạch dự án NMTĐ Tân Lập theo kế hoạch (đã được UBND Tỉnh Quảng Trị thông qua, trình Bộ Công Thương vào 4/2019); đã giải ngân 140 triệu đồng/kế hoạch 862 triệu đồng. Bộ Công Thương đang xem xét thẩm định dự án NMTĐ Tân Lập để đưa vào Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (tổng sơ đồ VIII).

I.1.3.2. Dự án thủy điện Đăk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B:

Đây là dự án có quy mô nhỏ, nhưng lại phải thực hiện rất nhiều thủ tục ở khâu chuẩn bị đầu tư, do liên quan đến nhiều lĩnh vực như đất đai, nguồn nước, tác động môi trường, ảnh hưởng dân cư..., nhiều quan điểm khác nhau của các cấp QLNN, nên tốn nhiều thời gian, công sức. Trong năm qua, PC3-INVEST đã được UBND tỉnh Kon Tum thống nhất cho phép triển khai các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án (văn bản số 3069/UBND-HTKT ngày 19/8/2020); Bộ Công Thương (văn bản số 9591/BCT-ĐL ngày 14/12/2020) và UBND tỉnh Kon Tum (văn bản số 4675/UBND-HTKT ngày 21/12/2020) thống nhất quy hoạch đầu nối Nhà máy thủy điện hồ B vào hệ thống điện quốc gia; Sở Công Thương - tỉnh Kon Tum đã thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (văn bản số 1461/SCT-QLNL ngày 14/9/2020); được UBND Huyện Kon Plông thông báo giới thiệu địa điểm đất cho dự án (văn bản số 199/TB-UBND ngày 10/11/2020).

PC3-INVEST đã tổ chức thẩm định BCNCKT, báo cáo xin ý kiến EVNCPC và đang cùng Đơn vị tư vấn trình UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án; đã giải ngân 772,76 triệu đồng/kế hoạch 6.950 triệu đồng. Các yêu cầu pháp lý để phê duyệt BCNCKT của dự án đã cơ bản hoàn tất, PC3-INVEST còn chờ UBND Tỉnh Kon Tum kiểm tra, rà soát tác động môi trường của các công trình thủy điện theo yêu cầu của Bộ Công thương tại văn bản số 9844/BCT-ĐL ngày 22/12/2020.

I.1.3.3. Dự án SCADA NMTĐ Đăk Pône

Dự án đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 07/5/2020 và PC3-INVEST đã phê duyệt quyết toán tại quyết định số 956/QĐ-PC3I ngày 28/8/2020 với giá trị quyết toán hoàn thành của dự án là 2,34 tỷ đồng.

I.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

I.2.1. Công tác quản trị nguồn nhân lực

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số lao động là 65 người, giảm 03 người so với năm 2019. Tất cả CBCNV được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) theo quy định và được đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động, được khám sức khỏe định kỳ và trang bị đầy đủ trang cụ bảo hộ lao động; việc xếp lương, nâng lương cho CBCNV được thực hiện đúng thỏa ước lao động tập thể, đã có 19 trường hợp được xét nâng lương. Công tác dân chủ cơ sở được thực hiện đúng quy định, không có tình trạng khiếu nại hay tranh chấp về lao động. PC3-INVEST đã cố gắng đảm bảo công việc và môi trường làm việc an toàn cho CBCNV, không để xảy ra tình trạng dôi dư lao động.

Để đầu tư vào nguồn nhân lực, PC3-INVEST đã chú trọng công tác đào tạo, đã cử 168 lượt CBCNV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ (đạt 168% so với năm 2019), như: huấn luyện ATVSLĐ (103 người), bồi dưỡng nghề (37 người), bồi huấn chức danh quản lý vận hành, sát hạch năng

lực trưởng ca vận hành NMTĐ (14 người) và các khóa đào tạo khác (14 người); đã cử 19 người tham gia học tiếng Anh để phục vụ cho công tác đầu tư xây dựng Dự án điện gió Tân Lập và các dự án khác. PC3-INVEST đã tổ chức cho toàn thể CBCNV tham gia một số chương trình được EVN đào tạo theo hình thức trực tuyến E-learning với 932 lượt người tham gia. Tuy nhiên, do còn gặp nhiều khó khăn nên PC3-INVEST chưa cải thiện được tốt hơn nơi làm việc cho CBNV khỏi văn phòng.

1.2.2. Công tác quản trị nội bộ

Ngay từ đầu năm, PC3-INVEST đã lập mục tiêu chất lượng (đến từng bộ phận), lãnh đạo công ty đã phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện các giải pháp năm 2020 cho mỗi thành viên tại thông báo số 135/TB-PC3I ngày 07/02/2020; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng định kỳ hàng quý. Năm 2020, PC3-INVEST đã tăng cường công tác kiểm soát tuân thủ và tiếp tục duy trì quản lý rủi ro trong hoạt động; đã ban hành kế hoạch số 1419/KH-PC3I ngày 25/11/2019 về thanh tra, kiểm tra và kiểm soát tuân thủ năm 2020. Tổng số cuộc kiểm tra đã thực hiện trong năm 2020 là 21 cuộc (đạt 100% kế hoạch). Nhờ có tổ chức kiểm soát tuân thủ đồng thời với quản lý rủi ro hiệu quả nên PC3-INVEST đã chủ động ứng phó với các tình huống bất lợi của thời tiết, duy trì sản xuất trong mùa mưa lũ, hạn chế thấp nhất các thiệt hại do các yếu tố khách quan và không để xảy ra các sai sót trong công tác chỉ đạo, điều hành hay tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính của PC3-INVEST.

PC3-INVEST tiếp tục duy trì và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; năm 2020 đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 đánh giá độc lập về duy trì Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho lĩnh vực Quản lý ĐTXD các dự án nguồn điện và Sản xuất kinh doanh điện năng. PC3-INVEST đã tổ chức kiểm tra nhận thức quy trình ISO, VHDN và chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức thi trắc nghiệm trực tiếp với toàn thể lãnh đạo bộ phận và CBCNV, kết quả có 53/53 người tham gia đạt yêu cầu.

Để khắc phục khó khăn về nhân lực, hạn chế các lỗi tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác, PC3-INVEST đã tiếp tục thúc đẩy phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong tác nghiệp, xem đây là một trong những tiêu chí then chốt trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân. Năm qua, PC3-INVEST có 17 giải pháp hợp lý hóa (của 31 CBCNV tham gia thực hiện) được công nhận và áp dụng vào thực tế. Những cải tiến và giải pháp mới trong công tác đã góp phần mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động SXKD.

Thực hiện kế hoạch đổi mới phương thức quản lý, đánh giá hiệu quả công tác, PC3-INVEST tiến hành xây dựng hệ thống KPI, thuê đơn vị tư vấn đào tạo về nhận thức KPI, cách thức xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống KPI. PC3-INVEST đã hoàn thành và ban hành (tạm thời) Bản đồ chiến lược, Bảng điểm cân bằng cấp PC3-INVEST sẽ tiếp tục triển khai và đưa hệ thống KPI vào hoạt động trong năm 2021.

I.2.3. Công tác quản lý tài chính - quản lý cổ đông

Công tác quản lý tài chính được PC3-INVEST tổ chức thực hiện đúng quy định và hoạt động sản xuất - kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định (20,179 tỷ đồng) và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được giao. PC3-INVEST thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền; tiết kiệm chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm hoặc hoãn chi các khoản chưa cần thiết. Công tác giải ngân vốn ĐTXD được thực hiện đúng quy định, không để xảy ra chi sai mục đích. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động trong năm 2020 là 4,41 tỷ đồng, bằng 61,16% giá trị đã được HĐQT phê duyệt (7,219 tỷ đồng).

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với loại hình công ty đại chúng lớn, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại của cổ đông.

Công tác chấp hành quy định của Pháp luật trong lĩnh vực kế toán, tài chính được thực hiện tốt. Chi nhánh PC3-INVEST tại Quảng Trị đã được Tổng cục thuế và Cục Thuế Quảng Trị tặng giấy khen. Qua đợt làm việc của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính và các hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 cho thấy, PC3-INVEST không có vi phạm liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số sai sót mang tính nghiệp vụ, PC3-INVEST cần phải rút kinh nghiệm và cải tiến quản lý để ngăn ngừa lặp lại trong tương lai.

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước, PC3-INVEST đủ điều kiện xếp loại A (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020).

I.2.4. Công tác khác

Về hoạt động từ thiện, xã hội, Công ty đã thực hiện tốt công tác xã hội, phụng dưỡng Mẹ VNAH, tham gia đóng góp để ủng hộ các hoạt động xã hội tại nơi PC3-INVEST có các nhà máy thủy điện và theo phát động của EVNCPC.

Năm 2020, mọi mặt hoạt động của PC3-INVEST tiếp tục tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước; đã có 07 Đoàn kiểm tra của các Cơ quan quản lý Nhà nước làm việc với PC3-INVEST về thực hiện các quy định phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, an toàn vệ sinh lao động, công tác an ninh trật tự - bảo vệ trụ sở làm việc, kiểm tra hoàn thuế, KTNN... Kết quả các đợt kiểm tra đều cho thấy PC3-INVEST tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước và không có sai phạm.

Với những nỗ lực và thành tích đã đạt được, PC3-INVEST vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và được EVN công nhận là Tập thể lao động xuất sắc năm 2020; có 3 tập thể nhỏ và 12 cá nhân được EVN, EVNCPC khen thưởng, công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở...

PHẦN II: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Hưởng ứng chủ đề năm 2021 của EVN “*Chuyển đổi số trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam*” và chủ đề “*EVNCPC - Phục hồi và phát triển*” của EVNCPC; đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn trong năm 2021, PC3-INVEST đề ra các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

II.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh điện năng

- Tổng sản lượng điện phát ước đạt 83,96 triệu kWh (Đăk Pône đạt 58,17 triệu kWh và Đa Krông 1 đạt 25,79 triệu kWh).

- Tổng doanh thu ước đạt 104,43 tỷ đồng [Trong đó, doanh thu bán điện ước đạt 103,98 tỷ đồng (Đăk Pône đạt 65,26 tỷ đồng và Đa Krông 1 đạt 38,72 tỷ đồng) và doanh thu khác đạt 0,45 tỷ đồng].

- Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 10,73 tỷ đồng.

- Chủ động thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo trì các nhà máy thủy điện theo phương pháp RBM; hoàn thành kế hoạch sửa chữa lớn, đảm bảo sẵn sàng năng lực phát điện theo thiết kế.

- Không để xảy ra tai nạn lao động; không vi phạm quy trình tác nghiệp và các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

Bảng 2: Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021		
			Tổng cộng	Đăk Pône	Đa Krông 1
1	Tổng sản lượng điện phát (GWh)	83,66	83,96	58,17	25,79
2	Tổng doanh thu (2.1+2.2+2.3)	102.850,90	104.432,33	65.574,57	38.860,76
2.1	Doanh thu SX điện	101.558,76	103.982,33	65.261,57	38.720,76
2.2	Doanh thu tài chính	879,42	450,00	310,00	140,00
2.3	Doanh thu hoạt động khác	412,72			
3	Tổng chi phí (3.1+3.2+3.3)	82.103,65	93.037,55	35.876,72	57.160,84
3.1	Chi phí SX điện	62.040,77	76.724,40	35.876,72	40.847,69
3.2	Chi phí tài chính	16.482,24	16.313,15	0,00	16.313,15
3.3	Chi phí hoạt động khác	3.580,64			
4	Lợi nhuận trước thuế (2)-(3)	20.747,25	11.394,78	29.694,85	-18.300,08
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008,34	669,74		
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (4)-(5)	19.738,91	10.725,04		

So sánh kế hoạch năm 2021 với kết quả thực hiện năm 2020:

* Về doanh thu: Tình hình thời tiết những tháng đầu năm 2021 thuận lợi hơn so với năm trước nhưng tình trạng quá tải cục bộ lưới điện truyền tải (do khai thác các NMTĐ mặt trời) đã hạn chế thời gian phát điện của các NMTĐ trong giờ cao điểm buổi sáng. Trên cơ sở sản lượng điện bình quân của

NMTĐ Đăk Pône (trong 8 năm từ năm 2011-2020, trong đó không tính năm 2012, 2017 do các năm này sản lượng tăng/giảm bất thường) và NMTĐ Đa Krông 1 (trong 3 năm 2018-2020), PC3-INVEST xây dựng kế hoạch sản lượng năm 2021 là 83,96 GWh, tăng 3% so với kế hoạch năm 2020, tăng 0,3% so với thực hiện năm 2020; giá bán điện bình quân năm 2021 là 1.238,5 đ/kWh, tăng 2,03% so với thực hiện năm 2020; doanh thu sản xuất điện năm 2021 là 103,98 tỷ đồng, tăng 2,4% so với thực hiện năm 2020.

* Về chi phí: Chi phí khấu hao năm 2021 của NMTĐ Đa Krông 1 là 25,65 tỷ đồng, tăng 11,68 tỷ đồng so với thực hiện năm 2020, tương ứng mức tăng là 3,5% cố tức (do thực hiện nghị quyết số 623/NQ-HĐTV ngày 22/9/2020 của HĐTV EVNCPC về áp dụng khung thời gian khấu hao của Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn ban hành tại Quyết định số 323/QĐ-EVN ngày 10/12/2018 của EVN, kể từ ngày 01/01/2021). Vì lý do này, chi phí sản xuất điện năm 2021 dự kiến sẽ là 76,72 tỷ đồng, tăng 23,67% so với thực hiện năm 2020.

* Về lợi nhuận: So với kết quả thực hiện năm 2020, mặc dù doanh thu năm 2021 tăng nhẹ (1,53%), nhưng chi phí sản xuất điện tăng mạnh (23,67%), nên làm lợi nhuận (sau thuế TNDN) kế hoạch giảm 9,01 tỷ đồng, tương ứng 45,67% so với thực hiện năm 2020. Trong trường hợp nếu giữ mức khấu hao của NMTĐ Đa Krông 1 như năm 2020 (là 13,96 tỷ đồng) thì lợi nhuận kế hoạch năm 2021 là 21,82 tỷ đồng, tăng 10,57% so với thực hiện năm 2020.

II.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng

II.2.1. Dự án NMDG Tân Lập - 30MW

Trong năm 2021, Thủ tướng Chính phủ sẽ phê duyệt Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (tổng sơ đồ VIII) và dự kiến sẽ có quyết định mới về cơ chế mua điện từ năng lượng gió (thay thế quyết định 39/2018/QĐ-TTg sẽ hết hiệu lực vào 1/11/2021). Với tình hình thực tế nhu cầu điện của cả nước giảm thấp, trong khi nguồn điện từ năng lượng tái tạo đang tăng, PC3-INVEST sẽ phối hợp với Viện Năng Lượng giải trình với Bộ Công Thương và các cơ quan QLNN về giải tỏa công suất dự án NMDG Tân Lập, làm cơ sở đưa vào Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (tổng sơ đồ VIII); tiếp tục nghiên cứu dự án và theo dõi tình hình ban hành giá mua điện mới (thay thế quyết định 39/2018/QĐ-TTg) để đề xuất đầu tư dự án vào thời điểm thích hợp; ước tính giá trị giải ngân là 0,448 tỷ đồng.

II.2.2. Dự án thủy điện Đăk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B

PC3-INVEST tiếp tục giải trình với các cơ quan QLNN các cấp, hoàn tất thủ tục xin chủ trương đầu tư với EVN và EVNCPC; phê duyệt BCNCKT, lập TKBVTC-DT. Trong điều kiện thuận lợi sẽ khẩn trương đền bù giải phóng mặt bằng; lựa chọn nhà thầu xây lắp - thiết bị; thi công hoàn thành

nâng đập hồ A; tổ chức thi công đường dây đầu nối 22kV; thực hiện các hạng mục khác tại thực địa; ước tính giá trị giải ngân là 8,456 tỷ đồng.

II.1.2.3. Dự án Di dời đoạn đường dây 35kV Nhà máy thủy điện Đa Krông 1

Di dời 269m đoạn đường dây 35kV (VT15-18) Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 ra khỏi khu vực sạt lở do mưa, bão năm 2020; ước tính giá trị giải ngân là 1,472 tỷ đồng.

II.2.3. Công tác quản trị công ty

PC3-INVEST đặt ra 4 mục tiêu và 8 giải pháp để tổ chức thực hiện thành công các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, cải tiến và phát triển năng lực quản lý, thúc đẩy tăng hiệu quả công tác. Theo đó, PC3-INVEST sẽ tập trung vào các mảng công việc sau:

- Tiếp tục công tác quản trị sản xuất chặt chẽ; thực hiện phương pháp bảo trì dựa trên rủi ro (Risk Based Maintenance) để nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động; đảm bảo ATVSLĐ và tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy thủy điện.

- Chú trọng kiểm soát tính tuân thủ về trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng; tiếp tục ứng dụng quản lý tiến độ đầu tư xây dựng dự án theo phương pháp PERT (Program and Evaluation Review Technique); tăng cường kiểm soát để không phát sinh các tồn tại, sai sót có thể xảy ra.

- Sử dụng hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công tác; duy trì hiệu lực, hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn Kaizen 5S và VHDN trong các lĩnh vực SXKD và ĐTXD; tiếp tục triển khai giải pháp cải tiến công tác quản lý (đã thực hiện từ năm 2019-2020).

- Củng cố, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: tiếp tục công tác đào tạo lực lượng lao động đi đôi với việc nâng cao chất lượng sát hạch, kiểm tra; củng cố bộ máy, lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; cải thiện môi trường làm việc, góp phần xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 42 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 xin tóm tắt báo cáo tài chính năm 2020 (được trích dẫn từ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

A. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

DVT: đồng

Nội dung	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019
I. TỔNG TÀI SẢN	548.634.395.209	562.960.539.925
Trong đó		
1. Tài sản ngắn hạn	64.152.879.428	50.508.013.870
2. Tài sản dài hạn	484.481.515.781	512.452.526.055
II. TỔNG NGUỒN VỐN	548.634.395.209	562.960.539.925
Trong đó		
1. Nợ phải trả	191.669.897.515	207.394.235.751
2. Vốn chủ sở hữu	356.964.497.694	355.566.304.174

Nhận xét:

- Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2020: 548,63 tỷ đồng, giảm 14,32 tỷ đồng so với tổng tài sản tại ngày 31/12/2019, trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 13,64 tỷ đồng, chủ yếu do tăng lượng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu - là doanh thu bán điện của 2 NMTĐ: Đăk Pône và Đa Krông 1.

+ Tài sản dài hạn giảm 27,97 tỷ đồng do tăng trích khấu hao tài sản cố định NMTĐ ĐăkPône, NMTĐ Đa Krông 1.

- Tổng nguồn vốn của PC3-INVEST tại ngày 31/12/2020: 548,63 tỷ đồng, giảm 14,32 tỷ đồng so với tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2019, trong đó:

+ Nợ phải trả giảm 7,58% so với năm 2019 chủ yếu do trả nợ gốc vay vốn tín dụng đầu tư công trình NMTĐ Đa Krông 1.

+ Vốn chủ sở hữu tăng 1,40 tỷ đồng, chủ yếu từ việc phát sinh tăng lợi nhuận chưa phân phối năm 2020.

B. Báo cáo kết quả kinh doanh tại ngày 31/12/2020 bao gồm các chỉ tiêu:

DVT: đồng

Nội dung	Số tiền
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.558.759.609
2. Giá vốn hàng bán	50.876.609.356

Nội dung	Số tiền
3. Lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.682.150.253
4. Doanh thu hoạt động tài chính	879.415.137
5. Chi phí tài chính	16.482.236.045
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.164.166.240
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	23.915.163.105
8. Thu nhập khác	412.722.550
9. Chi phí khác	3.580.637.206
10. Lợi nhuận khác	-3.167.914.656
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.747.248.449
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.738.910.171
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	592 đồng/cổ phiếu

C. Các chỉ tiêu phản ánh về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Năm 2020
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,89 lần
2. Khả năng thanh toán nhanh	1,88 lần
II. Chỉ tiêu phản ánh khả năng tự chủ về tài chính	
1. Tỷ suất nợ trên tổng tài sản	34,94%
2. Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu	53,69%

Nhận xét:

Tỷ suất nợ trên tổng tài sản: 34,94%, tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu: 53,69% đã thể hiện tính độc lập tương đối về tài chính của Công ty. Các hệ số phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2020 nằm ở mức cho phép, khả năng các khoản nợ ngắn hạn cho các hoạt động của PC3-INVEST sẽ được thanh toán kịp thời. Công nợ phải thu, phải trả của Công ty đến 31/12/2020 chưa có khoản nào xếp vào phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các khoản công nợ trên đều được kiểm soát chặt chẽ.

D. Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC)

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

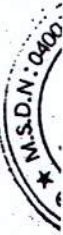


**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001787 ngày 02/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/09/2019 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09/01/2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27/12/2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 333.398.910.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 333.398.910.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: 0236.2212545
- Fax: 0236.2221000
- Website: www.pc3invest.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 65 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Tấn Hồng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| • Ông Nguyễn Lương Minh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| • Ông Trần Đăng Hiền | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Trần Nhất Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Trọng Vĩnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Thanh Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Võ Hòa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Phạm Phong | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Hoài | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| • Bà Trần Thị Minh Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Lê Thị Minh Chính | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Phan Thị Thanh Lý | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Minh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/06/2018 |
| • Ông Phạm Sĩ Huân | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 29/01/2017 |
| • Ông Nguyễn Dương Long | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/11/2018 |
| • Bà Đặng Thị Thu Nga | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2019 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Minh

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 378/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 24/03/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 07/BCKT/2020-RSMMT ngày 14/02/2020 về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Quốc Hùng – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.152.879.428	50.508.013.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.105.274.346	16.811.580.232
1. Tiền	111		405.689.886	577.672.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.699.584.460	16.233.907.771
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	15.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.965.949.288	17.243.941.661
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.456.924.308	16.533.106.814
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		139.200.000	239.429.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	369.824.980	471.405.047
IV. Hàng tồn kho	140	9	433.348.979	1.098.661.910
1. Hàng tồn kho	141		433.348.979	1.098.661.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.648.306.815	10.353.830.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	83.632.120	126.260.389
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.757.046.325	8.560.750.656
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	807.628.370	1.666.819.022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		484.481.515.781	512.452.526.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		476.154.285.537	498.866.088.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	471.100.322.250	493.783.394.269
- Nguyên giá	222		649.825.169.739	646.962.941.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.724.847.489)	(153.179.546.786)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.053.963.287	5.082.694.503
- Nguyên giá	228		5.142.799.409	5.142.799.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.836.122)	(60.104.906)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.451.370.213	6.482.203.272
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.451.370.213	6.482.203.272
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.875.860.031	7.104.234.011
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	1.669.571.024	5.170.661.168
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.206.289.007	1.933.572.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		548.634.395.209	562.960.539.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		191.669.897.515	207.394.235.751
I. Nợ ngắn hạn	310		33.961.292.195	32.438.302.221
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	90.293.327	907.608.859
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.435.944.815	3.465.395.909
3. Phải trả người lao động	314		4.809.102.643	4.281.292.313
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	586.029.384	921.721.221
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.209.781.283	2.812.200.388
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	17.247.328.223	17.247.328.225
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.582.812.520	2.802.755.306
II. Nợ dài hạn	330		157.708.605.320	174.955.933.530
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	157.708.605.320	174.955.933.530
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.964.497.694	355.566.304.174
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	356.964.497.694	355.566.304.174
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	333.398.910.000	333.398.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	333.398.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	22.469.286.238	21.071.092.718
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.730.376.067	2.540.786.551
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.738.910.171	18.530.306.167
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		548.634.395.209	562.960.539.925



Nguyễn Lương Minh
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Huỳnh Thị Thùy Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	101.558.759.609	98.372.330.448
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		101.558.759.609	98.372.330.448
4. Giá vốn hàng bán	11	21	50.876.609.356	51.074.880.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>50.682.150.253</u>	<u>47.297.449.505</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	879.415.137	465.587.269
7. Chi phí tài chính	22	23	16.482.236.045	17.859.120.083
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	16.475.873.510	17.857.147.389
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.164.166.240	10.834.440.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>23.915.163.105</u>	<u>19.069.476.335</u>
11. Thu nhập khác	31		412.722.550	4.426.539.560
12. Chi phí khác	32	25	3.580.637.206	4.375.595.060
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(3.167.914.656)</u>	<u>50.944.500</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>20.747.248.449</u>	<u>19.120.420.835</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.008.338.278	590.114.668
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>19.738.910.171</u>	<u>18.530.306.167</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	592	506
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	592	506

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Minh

Đ. V. Đ. ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Huỳnh Thị Thùy Dương

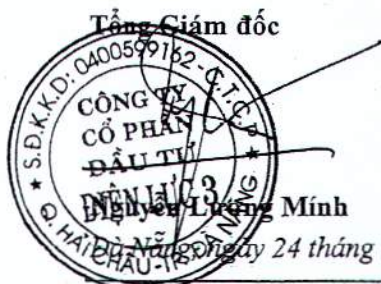
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.747.248.449	19.120.420.835
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,11	25.703.876.914	25.367.351.344
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.247.556	372.862
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22	2.094.244.738	(463.987.437)
- Chi phí lãi vay	06	23	16.475.873.510	17.857.147.389
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		65.022.491.167	61.881.304.993
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.071.250.017)	(594.713.731)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	392.596.767	(160.120.566)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.094.287.763	(7.862.734.115)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13	3.543.718.413	(3.422.556.204)
- Tiền lãi vay đã trả	14	16,23	(16.532.467.320)	(17.852.221.934)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(149.147.626)	(2.602.441.565)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	40.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.890.713.937)	(3.369.002.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.409.515.210	26.057.514.197
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	10,11,12	(4.353.091.963)	(16.601.677.312)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10	454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(27.741.047.890)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	17.741.047.890	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,22	927.266.590	394.852.816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.425.370.828)	(21.206.824.496)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	12.849.480.000	30.351.725.728
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(30.096.808.212)	(28.754.169.436)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,19d	(16.441.874.500)	(90.766.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.689.202.712)	1.506.790.192
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.705.058.330)	6.357.479.893
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	16.811.580.232	10.454.473.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(1.247.556)	(372.862)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.105.274.346	16.811.580.232



Đã lập ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Huỳnh Thị Thùy Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001787 ngày 02/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 08 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/09/2019 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09/01/2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27/12/2016).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Kon Tum (Địa chỉ: Thôn Măng Đen, Thị trấn Măng Đen, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị (Địa chỉ: Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho là các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải sử dụng trực tiếp tại Nhà máy Thủy điện Đăk Pôn thay đổi từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng từ tháng 11 năm 2012. Việc điều chỉnh này đã được Cục thuế Đà Nẵng chấp thuận tại công văn số 4212/CT-KK&KTT ngày 19/12/2012 và được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 18332/BTC-TCDN ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	5

4.7 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5 - 10

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp phân bổ theo đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả phát sinh tại Công ty là lãi vay dự trả và các khoản chi phí khác.

4.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh trong năm tại Công ty là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pônê Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024), trong đó được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
 - ✓ Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
 - ✓ Trong năm 2020 Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020		01/01/2020	
- Tiền mặt tại quỹ (VND)		103.881.949		100.692.470
- Tiền gửi ngân hàng		301.807.937		476.979.991
+ VND		298.918.801		188.420.288
+ USD	125,56	2.889.136	12.475,56	288.559.703
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		13.699.584.460		16.233.907.771
+ VND		13.415.410.960		16.233.907.771
+ USD	12.350,00	284.173.500		-
Cộng		14.105.274.346		16.811.580.232

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		15.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		15.000.000.000		5.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (bên liên quan)		24.456.924.308		16.533.106.814
Cộng		24.456.924.308		16.533.106.814

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	24.046.454	-	76.763.375	-
Phải thu khác	345.778.526	-	394.641.672	-
Cộng	369.824.980	-	471.405.047	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	433.348.979	-	1.098.661.910	-
Cộng	433.348.979	-	1.098.661.910	-

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020.

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	405.573.211.607	224.563.725.743	15.779.690.737	510.812.968	535.500.000	646.962.941.055
Mua sắm trong năm	-	-	-	108.500.000	-	108.500.000
Đ/tr XDCB h/thành	-	2.131.052.455	-	-	-	2.131.052.455
Phân loại lại	21.806.426.496	(21.806.426.496)	-	-	-	-
Điều chỉnh quyết toán	840.352.216	(87.830.992)	-	-	-	752.521.224
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	129.844.995	-	129.844.995
Số cuối năm	428.219.990.319	204.800.520.710	15.779.690.737	489.467.973	535.500.000	649.825.169.739
Khấu hao						
Số đầu năm	70.842.449.692	74.467.148.118	7.248.332.571	291.391.405	330.225.000	153.179.546.786
Khấu hao trong năm	13.808.968.986	11.187.405.673	478.901.041	92.769.998	107.100.000	25.675.145.698
Phân loại lại	1.522.844.634	(1.522.844.634)	-	-	-	-
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	129.844.995	-	129.844.995
Số cuối năm	86.174.263.312	84.131.709.157	7.727.233.612	254.316.408	437.325.000	178.724.847.489
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	334.730.761.915	150.096.577.625	8.531.358.166	219.421.563	205.275.000	493.783.394.269
Số cuối năm	342.045.727.007	120.668.811.553	8.052.457.125	235.151.565	98.175.000	471.100.322.250

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.310.774.270 đồng.
- Không có tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết và đang chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020.
- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là 301.968.685.011 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất (* VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	285.105.773	4.857.693.636	5.142.799.409
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	285.105.773	4.857.693.636	5.142.799.409
Khấu hao			
Số đầu năm	60.104.906	-	60.104.906
Khấu hao trong năm	28.731.216	-	28.731.216
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	88.836.122	-	88.836.122
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	225.000.867	4.857.693.636	5.082.694.503
Số cuối năm	196.269.651	4.857.693.636	5.053.963.287

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, Khu Đầu tư Sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá TSCĐVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 33.333.653 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Dự án thủy điện Đăk Pôn NMTĐ hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và NMTĐ hồ B	2.141.436.917	1.411.292.208
Biệt thự PC3-INVEST	158.905.127	158.905.127
Dự án nhà máy Điện gió Tân Lập	2.029.789.258	1.899.436.985
Chương trình EPR	121.238.911	-
Dự án thủy điện Sông Tranh 5	-	2.900.248.952
Hệ thống kết nối SCADA nhà máy thủy điện Đăk Pôn	-	112.320.000
Cộng	4.451.370.213	6.482.203.272

13. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí kiểm định, bảo hiểm, chi phí khác	83.632.120	126.260.389
Cộng	83.632.120	126.260.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	474.083.637	321.788.098
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí khác	1.195.487.387	4.848.873.070
Cộng	1.669.571.024	5.170.661.168

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Nhị Hà	43.222.300	-
Các đối tượng khác	47.071.027	907.608.859
Cộng	90.293.327	907.608.859

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế Giá trị gia tăng	3.263.677	2.118.212.587	9.954.006.545	8.384.767.171	3.263.677	3.687.451.961
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.663.555.345	-	1.008.338.278	149.147.626	804.364.693	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	40.137.940	812.985.979	838.258.236	-	14.865.683
Thuế tài nguyên	-	942.915.174	7.798.894.537	7.099.237.511	-	1.642.572.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.362.500	2.362.500	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	364.130.208	4.426.599.613	3.699.674.850	-	1.091.054.971
Cộng	1.666.819.022	3.465.395.909	24.009.187.452	20.179.447.894	807.628.370	6.435.944.815

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay dự trả	289.187.281	345.781.091
Chi phí khác	296.842.103	575.940.130
Cộng	586.029.384	921.721.221

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ tức phải trả	2.893.065.500	2.664.994.500
Phải trả khác	316.715.783	147.205.888
Cộng	3.209.781.283	2.812.200.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	12.849.480.000	12.849.480.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	-	12.849.480.000	12.849.480.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.247.328.225	17.247.328.210	17.247.328.212	17.247.328.223
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	17.247.328.225	17.247.328.210	17.247.328.212	17.247.328.223
Cộng	17.247.328.225	30.096.808.210	30.096.808.212	17.247.328.223

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	192.203.261.755	-	17.247.328.212	174.955.933.543
Cộng	192.203.261.755	-	17.247.328.212	174.955.933.543
Trong đó				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 kỳ	17.247.328.225			17.247.328.223
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	174.955.933.530			157.708.605.320

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 39 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 05 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác). Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản ước tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	37.460.036.551	341.666.998.007
Tăng trong năm	30.288.250.000	-	-	18.530.306.167	48.818.556.167
Giảm trong năm	-	-	-	34.919.250.000	34.919.250.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>333.398.910.000</u>	<u>(35.000.000)</u>	<u>1.131.301.456</u>	<u>21.071.092.718</u>	<u>355.566.304.174</u>
Số dư tại 01/01/2020	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	21.071.092.718	355.566.304.174
Tăng trong năm	-	-	-	19.738.910.171	19.738.910.171
Giảm trong năm	-	-	-	18.340.716.651	18.340.716.651
Số dư tại 31/12/2020	<u>333.398.910.000</u>	<u>(35.000.000)</u>	<u>1.131.301.456</u>	<u>22.469.286.238</u>	<u>356.964.497.694</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	246.989.600.000	246.989.600.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	86.409.310.000
Cộng	<u>333.398.910.000</u>	<u>333.398.910.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	21.071.092.718	37.460.036.551
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	19.738.910.171	18.530.306.167
Phân phối lợi nhuận	18.340.716.651	34.919.250.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	18.340.716.651	34.919.250.000
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	154.193.150	522.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.516.578.001	4.109.000.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	16.669.945.500	30.288.250.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>22.469.286.238</u>	<u>21.071.092.718</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán điện thương phẩm	101.556.941.427	98.372.330.448
Doanh thu khác	1.818.182	-
Cộng	<u>101.558.759.609</u>	<u>98.372.330.448</u>

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn điện thương phẩm	50.876.609.356	51.074.880.943
Cộng	<u>50.876.609.356</u>	<u>51.074.880.943</u>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	874.549.669	463.987.437
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.865.468	1.599.832
Cộng	<u>879.415.137</u>	<u>465.587.269</u>

23. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	16.475.873.510	17.857.147.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.362.535	1.972.694
Cộng	<u>16.482.236.045</u>	<u>17.859.120.083</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lương bộ phận quản lý	7.088.284.848	6.541.143.488
Các khoản khác	4.075.881.392	4.293.296.868
Cộng	11.164.166.240	10.834.440.356

25. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí gia cố bộ máy phát H1	166.768.000	-
Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Thủy điện Sông Tranh 5 - Chi phí không hình thành tài sản	3.194.034.185	-
Các khoản khác	219.835.021	4.375.595.060
Cộng	3.580.637.206	4.375.595.060

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.747.248.449	19.120.420.835
- Lợi nhuận chính của Nhà máy Đăk Pône	35.732.448.573	36.615.580.391
- Lợi nhuận chính của Nhà máy Đa Krông 1	(2.078.143.832)	(8.302.108.858)
- Lợi nhuận hoạt động khác của Văn phòng Công ty	(12.907.056.292)	(9.193.050.698)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	4.631.520.189	1.467.627.398
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)	4.768.879.194	1.467.627.398
+ Tại nhà máy Đăk Pône	163.301.735	187.885.232
+ Tại nhà máy Đa Krông 1	481.178.798	506.028.164
+ Tại Văn phòng công ty	4.001.084.681	773.714.002
+ Chi phí đã tính thuế theo biên bản kiểm toán Nhà nước (tại văn phòng Công ty) (*)	123.313.980	-
- Điều chỉnh giảm (Thu nhập đã tính thuế theo biên bản kiểm toán Nhà nước tại Văn phòng Công ty) (*)	137.359.005	-
Tổng thu nhập chịu thuế	25.378.768.638	20.588.048.233
- Thu nhập chịu thuế của Nhà máy Đăk Pône	35.895.750.308	36.803.465.623
- Thu nhập chịu thuế của Nhà máy Đa Krông 1	(1.596.965.034)	(7.796.080.694)
- Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty	(8.920.016.636)	(8.419.336.696)
Thuế TNDN được miễn giảm	1.649.619.962	1.029.402.412
- Thuế được giảm của Nhà máy Đăk Pône (50%)	1.268.938.432	1.029.402.412
- Thuế được giảm theo NQ116/2020/QH14 (**)	380.681.530	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.008.338.278	590.114.668
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	888.256.903	1.029.402.412
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (*)	120.081.375	(439.287.744)

(*) Thực hiện điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 46/TB-KTNN ngày 13/01/2021 của Kiểm toán Nhà nước.

(**) Là doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo quy định Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.738.910.171	18.530.306.167
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.670.771.151)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH)	-	1.670.771.151
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.738.910.171	16.859.535.016
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.339.891	33.339.891
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu @	592	506

@ Lãi cơ bản trên và suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này năm 2020). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 đã được điều chỉnh lại do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã phê duyệt số liệu chính thức của quỹ khen thưởng, phúc lợi.

28. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.448.182.896	767.568.002
Chi phí nhân công	14.583.134.727	14.343.614.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.612.283.938	25.367.351.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.230.387.793	1.386.915.233
Chi phí khác bằng tiền	19.166.786.242	20.043.871.744
Cộng	62.040.775.596	61.909.321.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Báo cáo bộ phận

Khu vực địa lý	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	1.818.182	-	61.701.405.966	63.261.133.687	39.855.535.461	35.111.196.761	101.558.759.609	98.372.330.448
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn	-	-	25.667.999.960	25.947.371.651	25.208.609.396	25.127.509.292	50.876.609.356	51.074.880.943
Doanh thu tài chính	879.341.960	465.564.094	23.968	11.432	49.209	11.743	879.415.137	465.587.269
Chi phí tài chính	102.652.759	7.592.694	-	-	16.379.583.286	17.851.527.389	16.482.236.045	17.859.120.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.387.764.352	9.654.826.098	369.144.949	698.193.077	407.256.939	481.421.181	11.164.166.240	10.834.440.356
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.609.256.969)	(9.196.854.698)	35.664.285.025	36.615.580.391	(2.139.864.951)	(8.349.249.358)	23.915.163.105	19.069.476.335
Thu nhập khác	181.082.545	4.379.399.060	-	-	231.640.005	47.140.500	412.722.550	4.426.539.560
Chi phí khác	3.478.881.868	4.375.595.060	(68.163.548)	-	169.918.886	-	3.580.637.206	4.375.595.060
Lợi nhuận khác	(3.297.799.323)	3.804.000	68.163.548	-	61.721.119	47.140.500	(3.167.914.656)	50.944.500
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.907.056.292)	(9.193.050.698)	35.732.448.573	36.615.580.391	(2.078.143.832)	(8.302.108.858)	20.747.248.449	19.120.420.835
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	1.008.338.278	590.114.668	-	-	-	-	1.008.338.278	590.114.668
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(13.915.394.570)	(9.783.165.366)	35.732.448.573	36.615.580.391	(2.078.143.832)	(8.302.108.858)	19.738.910.171	18.530.306.167
Tại ngày 31/12/2020	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019
Tài sản cố định hữu hình	544.172.411	493.309.742.491	168.443.249.201	314.155.831	302.112.900.638	159.495.947	471.100.322.250	493.783.394.269
- Nguyên giá	2.142.699.977	645.800.366.895	305.942.389.364	985.967.840	341.740.080.398	176.606.320	649.825.169.739	646.962.941.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.598.527.566)	(152.490.624.404)	(137.499.140.163)	(671.812.009)	(39.627.179.760)	(17.110.373)	(178.724.847.489)	(153.179.546.786)
Tài sản cố định vô hình	5.014.615.358	5.038.971.962	39.347.929	43.722.541	-	-	5.053.963.287	5.082.694.503
- Nguyên giá	5.099.053.349	5.099.053.349	43.746.060	43.746.060	-	-	5.142.799.409	5.142.799.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	(84.437.991)	(60.081.387)	(4.398.131)	(23.519)	-	-	(88.836.122)	(60.104.906)
Phải thu khách hàng	-	-	13.748.375.066	9.699.357.840	10.708.549.242	6.833.748.974	24.456.924.308	16.533.106.814
Phải trả người bán	45.247.777	687.165.208	23.760.000	176.767.499	21.285.550	43.676.152	90.293.327	907.608.859

(*) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp được tính và khai thuế tập trung tại Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng. Với đặc thù sản xuất điện tại Việt Nam, khách hàng duy nhất của công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	90.293.327	-	90.293.327
Chi phí phải trả	586.029.384	-	586.029.384
Vay và nợ thuê tài chính	17.247.328.223	157.708.605.320	174.955.933.543
Phải trả khác	3.209.781.283	-	3.209.781.283
Cộng	21.133.432.217	157.708.605.320	178.842.037.537

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	907.608.859	-	907.608.859
Chi phí phải trả	921.721.221	-	921.721.221
Vay và nợ thuê tài chính	17.247.328.225	174.955.933.530	192.203.261.755
Phải trả khác	2.812.200.388	-	2.812.200.388
Cộng	21.888.858.693	174.955.933.530	196.844.792.223

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.105.274.346	-	14.105.274.346
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu khách hàng	24.456.924.308	-	24.456.924.308
Phải thu khác	369.824.980	-	369.824.980
Cộng	53.932.023.634	-	53.932.023.634

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.811.580.232	-	16.811.580.232
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	16.533.106.814	-	16.533.106.814
Phải thu khác	471.405.047	-	471.405.047
Cộng	38.816.092.093	-	38.816.092.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng chung công ty mẹ

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	Bán điện	101.556.941.427	98.372.330.448
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Mua hàng	1.387.097.636	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.331.132.812	1.543.183.008
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.066.191.948	1.090.691.535

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

~~Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.~~

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu so sánh được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo kết quả kiểm toán số 46/TB-KTNN ngày 13/01/2021 của Kiểm toán Nhà nước như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
	01/01/2020	01/01/2020	
	Trình bày lại		
	VND	VND	
Giá trị hao mòn lũy kế (Tài sản cố định hữu hình)	(153.179.546.786)	(155.342.344.027)	2.162.797.241
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.071.092.718	18.908.295.477	2.162.797.241
- LNST chưa phân phối l.kế đến cuối kỳ trước	2.540.786.551	377.989.310	2.162.797.241
- LNST chưa phân phối kỳ này	18.530.306.167	18.530.306.167	-

Hạch toán giảm giá trị khấu hao lũy kế của Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1 (số tiền: 2.162.797.241 đồng) do năm 2019 đã điều chỉnh hồi tố sai số liệu của Báo cáo tài chính năm 2018. Ảnh hưởng của bút toán này làm chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" của Tài sản cố định hữu hình và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01/01/2020 của Bảng cân đối kế toán cùng tăng 2.162.797.241 đồng.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Lương Minh

Đặng Thị Thu Nga

Huỳnh Thị Thùy Dương

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020, HĐQT kính gửi đến Đại hội đồng cổ đông báo cáo của HĐQT năm 2020 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021, như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

HQĐT đã chỉ đạo Công ty thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020 theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020. Trong năm qua, mặc dù thời tiết khô hạn kéo dài trong 9 tháng đầu năm gây thiếu nước để phát điện, nhưng lại mưa bão, lũ lụt dồn dập gây sạt lở đất và nhiều tình huống nguy hiểm trong vận hành thủy điện ở 3 tháng cuối năm; tình trạng quá tải lưới điện truyền tải 110kV làm hạn chế năng lực phát điện của các nhà máy trở nên thường xuyên hơn; công tác chuẩn bị đầu tư phụ thuộc vào sự chấp thuận của các cơ quan QLNN địa phương và Bộ Công Thương nên không chủ động được và dịch bệnh COVID-19, nhưng Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tổ chức thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT đã thống nhất đánh giá Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2020. Kết quả đã đạt được như sau:

1.1. Về sản xuất kinh doanh

- + Tổng sản lượng điện thương phẩm là 83,66 triệu kWh; tổng doanh thu đạt 102,85 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 19,74 tỷ đồng.
- + Mức cổ tức đạt 5% (đạt kế hoạch được giao).
- + Nộp ngân sách nhà nước 20,179 tỷ đồng.
- + Tổ chức tốt công tác sản xuất, công tác bảo trì các nhà máy được thực hiện chủ động, hiệu quả theo phương pháp dựa trên tư duy rủi ro (RBM).

1.2. Về đầu tư xây dựng cơ bản

+ Hoàn thành tất cả các yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Trị, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương và các Cơ quan QLNN có liên quan về thủ tục bổ sung quy hoạch dự án NMĐG Tân Lập theo kế hoạch. Bộ Công Thương đang xem xét thẩm định dự án NMĐG Tân Lập để đưa vào Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (tổng sơ đồ VIII).

+ Dự án thủy điện Đăk Pône – Nhà máy thủy điện hồ A – Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B: Các yêu cầu pháp lý để phê duyệt BCNCKT của dự án đã cơ bản hoàn tất, còn chờ UBND Tỉnh Kon Tum kiểm tra, rà soát tác động môi trường của các công trình thủy điện theo yêu cầu của Bộ Công Thương tại văn bản số 9844/BCT-ĐL ngày 22/12/2020 để phê duyệt ĐTM.

+ Hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án SCADA Đăk Pône từ ngày 07/5/2020.

1.3. Về công tác quản trị doanh nghiệp

+ Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 38,84% so với dự toán được duyệt).

+ Chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị trong SX và ĐTXD.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

2.1. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

HĐQT gồm 6 thành viên, 1 người là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 5 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách (trong đó có 1 người là Tổng giám đốc). Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp thường kỳ, có mời Ban kiểm soát tham dự.

HĐQT đã quyết nghị những chủ trương theo thẩm quyền và đã giải quyết kịp thời, linh hoạt các nội dung, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mà Tổng giám đốc đề trình, đáp ứng yêu cầu công việc, mà vẫn đảm bảo bám theo các quy định của Nhà nước. Hầu hết các nội dung quyết nghị của HĐQT đều được các thành viên HĐQT nhất trí 100%. Các vấn đề chính đã được HĐQT thảo luận, quyết nghị như sau: đánh giá kết quả hoạt động năm 2019; tạm dừng khảo sát, lập ĐTM và BCNCKT Dự án NMĐG Tân Lập; thời gian, địa điểm và nội dung dự thảo văn kiện ĐHCĐ 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020; phương án chi trả cổ tức năm 2020; về khung thời gian trích khấu hao cho Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 và một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2.2. Lương/thù lao và lợi ích khác (tiền thưởng) của HĐQT

+ Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 489,04 triệu đồng.

+ 2 thành viên HĐQT (làm việc đủ 12 tháng): 77,05 triệu đồng/người x 2 người = 154,1 triệu đồng.

+ 3 thành viên HĐQT (làm việc 5,6 tháng): 38,78 triệu đồng/người x 3 người = 116,34 triệu đồng.

+ 3 thành viên HĐQT (làm việc 6,4 tháng): 38,27 triệu đồng/người x 3 người = 114,81 triệu đồng.

2.3. Chi phí hoạt động của HĐQT: 361,4 triệu đồng

2.4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh những giao dịch như nêu trên.

2.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị công ty có 2 thành viên độc lập được phân công trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các vấn đề về công tác ứng dụng khoa học công nghệ; nhân sự, lương - thưởng cho người lao động và các vấn đề về sản xuất - kinh doanh. Trong năm 2020, các thành viên độc lập đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của HĐQT và Công ty.

Thành viên độc lập đánh giá HĐQT đã làm việc cẩn trọng, hiệu quả, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao vì sự phát triển của Công ty và vì lợi ích của cổ đông. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty một cách nhạy bén với diễn biến của tình hình chung, đã giám sát Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và mọi mặt hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Từng thành viên HĐQT đã luôn thực hiện tốt vai trò chỉ đạo cho hoạt động sản xuất chung của Công ty.

3. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý của Công ty

Năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu để tổ chức thực hiện các mục tiêu mà ĐHCĐ và HĐQT giao. Tổng giám đốc đã nỗ lực tổ chức thành công việc tăng sản lượng điện giờ cao điểm, tiết kiệm chi phí hoạt động, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp... HĐQT đã giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và nhận thấy, công tác điều hành được thực hiện đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổng giám đốc làm việc rất năng động, sâu sát, quyết tâm với công việc và có tinh thần trách nhiệm rất cao; đã tổ chức sản xuất đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động và tuân thủ quy định nhà nước trong lĩnh vực SX và ĐTXD. HĐQT đã thống nhất đánh giá Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.

Cán bộ quản lý gồm 11 người (không kể Tổng giám đốc), gồm có 2 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phụ trách và Phó Trưởng các bộ phận: Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Kế hoạch - Đầu tư, Phòng Tài chính, Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án, Chi nhánh tại Kon Tum và Chi nhánh tại Quảng Trị. Qua theo dõi, giám sát, HĐQT đánh giá Cán bộ quản lý đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty. Trong năm 2020, các Cán bộ quản lý đã nỗ lực cố gắng hoàn thành được vai trò của mình, đóng góp vào kết quả đạt được của toàn Công ty.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021

HĐQT đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chính năm 2021 như sau:

1. Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, tổng sản lượng điện phát ước đạt 83,96 triệu kWh; tổng doanh thu ước đạt 104,43 tỷ đồng; lợi nhuận ước đạt 10,73 tỷ đồng; cổ tức dự kiến 3%/VDL.

2. Tiếp tục phối hợp với Viện Năng Lượng giải trình với Bộ Công Thương và các cơ quan QLNN về giải tỏa công suất dự án NMDG Tân Lập, làm cơ sở đưa vào Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (tổng sơ đồ VIII); tiếp tục nghiên cứu dự án và theo dõi tình hình ban hành giá mua điện mới (thay thế quyết định 39/2018/QĐ-TTg) để đề xuất đầu tư dự án vào thời điểm thích hợp.

3. Tiếp tục giải trình với các cơ quan QLNN các cấp, hoàn tất thủ tục xin chủ trương đầu tư với EVN và EVNCPC; phê duyệt BCNCKT, lập TKBVTC-DT Dự án thủy điện Đăk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B. Trong điều kiện thuận lợi sẽ khẩn trương đền bù giải phóng mặt bằng; lựa chọn nhà thầu xây lắp - thiết bị; thi công hoàn thành nâng đập hồ A; tổ chức thi công đường dây đầu nối 22kV; thực hiện các hạng mục khác tại thực địa.

4. Dự án Di dời đoạn đường dây 35kV Nhà máy thủy điện Đa Krông 1: Di dời 269m đoạn đường dây 35kV (VT15-18) Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 ra khỏi khu vực sạt lở do mưa, bão năm 2020.

HĐQT xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua, rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Trân trọng cảm ơn!

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020 - PC3-INVEST;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2021 kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020, cụ thể như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tổng kết các cuộc họp và tình hình thực hiện các công việc kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo đúng quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*** Các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau:**

- Tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT:

+ Phiên họp lần thứ I/2020 ngày 12/04/2020 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ II/2020 ngày 18/06/2020 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ III/2020 ngày 02/10/2020 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ IV/2020 ngày 08/1/2021 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

+ Ngày 27/03/2020: họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động của Công ty năm 2019 .

+ Ngày 19/06/2020: họp thông qua phân công nhiệm vụ các Thành viên Ban kiểm soát.

+ Ngày 26/12/2020: họp thông qua báo cáo kiểm soát chuyên đề năm 2020.

2. Lương/thù lao và lợi ích khác (thưởng) năm 2020 của Ban kiểm soát:

+ Trưởng BKS chuyên trách: 306,08 triệu đồng.

+ 2 thành viên Ban kiểm soát (làm việc 5,6 tháng): 37,1 triệu đồng/người x 2 người = 74,20 triệu đồng.

+ 2 thành viên Ban kiểm soát (làm việc 6,4 tháng): 38,27 triệu đồng/người x 2 người = 76,54 triệu đồng.

3. Chi phí hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát: 8,35 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020, tổng sản lượng điện thương phẩm là 83,66 triệu kWh, đạt 102,74% so với kế hoạch (trong đó, NMTĐ Đắk Pône phát 54,01 triệu kWh, đạt 94,76% kế hoạch và NMTĐ Đa Krông 1 phát 29,65 triệu kWh, đạt 121,37% kế hoạch); tổng doanh thu đạt 102,85 tỷ đồng (đạt 98,84% kế hoạch), trong đó doanh thu bán điện 101,56 tỷ đồng (đạt 98,02% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 19,74 tỷ đồng, đạt 100,89% kế hoạch.

Công ty đã thực hiện tốt chủ đề “Năm an toàn lao động” của EVNCPC phát động, đảm bảo tuyệt đối ATVSLĐ (không có tai nạn lao động, không có sự cố chủ quan). Công tác vận hành các nhà máy thủy điện đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước về BVMT, PCCN, PCTT-TKCN. Trong năm có 05 Đoàn kiểm tra về các nội dung liên quan công tác sản xuất điện, qua các đợt kiểm tra các Đoàn đều ghi nhận Công ty đã cố gắng tuân thủ các quy định của Nhà nước, không có sai sót hay vi phạm.

Công tác bảo trì các nhà máy được thực hiện chủ động, hiệu quả theo phương pháp dựa trên tư duy rủi ro (RBM - Risk Based Maintenance), đã tiết kiệm chi phí, giảm bớt nhọc nhằn cho công nhân nhưng luôn đảm bảo năng lực phát điện của các nhà máy. Các NMTĐ đã tận dụng tối đa hiệu quả nguồn nước, chủ động ứng phó với hình thái thời tiết nguy hiểm (khô hạn trong 9 tháng đầu năm và mưa bão dồn dập trong 3 tháng cuối năm), khắc phục khó khăn do dịch COVID-19... duy trì sản xuất an toàn và hiệu quả.

2. Công tác đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý ĐTXD được thực hiện đảm bảo các quy định của Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Công ty. Công tác ĐTXD năm 2020 chủ yếu là khâu chuẩn bị đầu tư, kết quả thực hiện được cụ thể là:

2.1 Dự án NMDG Tân Lập - 30MW:

Công ty đã hoàn thành tất cả các yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Trị, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các Cơ quan QLNN có liên quan về thủ tục bổ sung quy hoạch dự án NM Điện gió Tân Lập theo kế hoạch (đã được UBND Tỉnh Quảng Trị thông qua, trình Bộ Công Thương vào 4/2019); đã giải ngân 140 triệu đồng/kế hoạch 862 triệu đồng. Bộ Công thương đang xem xét thẩm định dự án NMDG Tân Lập để đưa vào Quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2021+2030 (tổng sơ đồ VIII).

2.2. Dự án thủy điện Đăk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B:

Đây là dự án có quy mô nhỏ, nhưng phải thực hiện rất nhiều thủ tục ở khâu chuẩn bị đầu tư, do liên quan đến nhiều lĩnh vực như đất đai, nguồn nước, tác động môi trường, ảnh hưởng dân cư ..., nhiều quan điểm khác nhau của các cấp QLNN, nên tốn nhiều thời gian, công sức. Trong năm qua, Công ty đã được UBND tỉnh Kon Tum thống nhất cho phép triển khai các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án (văn bản số 3069/UBND-HTKT ngày 19/8/2020); Bộ Công Thương (văn bản số 9591/BCT-ĐL ngày 14/12/2020) và UBND tỉnh Kon Tum (văn bản số 4675/UBND-HTKT ngày 21/12/2020) thống nhất đầu nối Nhà máy thủy điện hồ B thuộc Dự án thủy điện Đăk Pône vào hệ thống điện quốc gia; Sở Công Thương – tỉnh Kon Tum thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (văn bản số 1461/SCT-QLNL ngày 14/9/2020); được UBND Huyện Kon Plông thông báo giới thiệu địa điểm đất cho dự án (văn bản số 199/TB-UBND ngày 10/11/2020). Công ty đã tổ chức thẩm định BCNCKT, báo cáo xin ý kiến EVNCPC và đang cùng Đơn vị tư vấn trình UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án; đã giải ngân 772,76 triệu đồng/kế hoạch 6.950 triệu đồng. Đến nay, các yêu cầu pháp lý để phê duyệt BCNCKT của dự án đã cơ bản hoàn tất, Công ty vẫn còn chờ UBND Tỉnh Kon Tum kiểm tra, rà soát tác động môi trường của các công trình thủy điện theo yêu cầu của Bộ Công thương tại văn bản số 9844/BCT-ĐL ngày 22/12/2020.

2.3. Dự án SCADA NMTĐ Đăk Pône:

Dự án đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 07/5/2020 và Công ty đã phê duyệt quyết toán tại quyết định số 956/QĐ-PC3I ngày 28/08/2020 với giá trị quyết toán hoàn thành của dự án là 2.339.081.210 đồng.

3. Công tác tài chính - Quản lý cổ đông:

3.1. Công tác quản lý tài chính được Công ty tổ chức thực hiện đúng quy định và hoạt động sản xuất - kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định (20,179 tỷ đồng) và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được giao. Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch

giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền. Công tác giải ngân vốn ĐTXD được thực hiện đúng quy định, không để xảy ra chi sai mục đích.

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với loại hình Công ty đại chúng lớn, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại của cổ đông.

Công tác chấp hành quy định của Pháp luật trong lĩnh vực thuế được thực hiện tốt. Chi nhánh Công ty tại Quảng Trị đã được Tổng cục thuế và Cục Thuế Quảng Trị tặng giấy khen. Qua đợt làm việc của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính và các hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 cho thấy, Công ty không có vi phạm liên quan đến công tác chi đạo, điều hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số sai sót mang tính nghiệp vụ, Công ty cần phải rút kinh nghiệm và cải tiến quản lý để ngăn ngừa lặp lại trong tương lai.

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước, Công ty đủ điều kiện xếp loại A (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020).

3.2. Thực hiện kế hoạch chi phí hoạt động, tiền lương năm 2020:

- Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2020:

+ Lao động có mặt đến 01/01/2020:	68 người
+ Kế hoạch tuyển dụng năm 2020:	0 người
+ Lao động tăng trong năm 2020:	0 người
+ Lao động giảm trong năm 2020:	03 người
+ Lao động có mặt đến 31/12/2020:	65 người

Tất cả CBCNV đều được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) đúng theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động; việc ký kết hợp đồng lao động, xếp lương, nâng lương cho CBCNV được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động và thoả ước lao động tập thể; đã tổ chức công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và trang bị đầy đủ công tác bảo hộ lao động cho lực lượng công tác tại hiện trường; Công ty luôn tạo điều kiện tốt về thời gian, kinh phí cho Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN CS HCM hoạt động, góp phần quan trọng trong thắng lợi chung của Công ty và xây dựng môi trường lao động dân chủ, công bằng.

- Thực hiện chi phí hoạt động năm 2020 đã được HĐQT duyệt: Công ty luôn chủ trương tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động trong năm 2020 là 4,41 tỷ đồng, bằng 61,16% giá trị đã được HĐQT phê duyệt (7,219 tỷ đồng).

III. ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH:

Trong năm 2020, tại Công ty không có phát sinh những giao dịch như nêu trên.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát về công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020 đã đề ra, lợi nhuận thực hiện toàn Công ty là 19,74 tỷ đồng, đạt 100,89% kế hoạch; luôn duy trì và bảo toàn vốn của cổ đông.

Hoạt động của HĐQT được tiến hành đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ, bàn bạc tập thể, được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ các nội dung và ban hành thành Nghị Quyết. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định.

Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực điều hành hoạt động của Công ty khắc phục khó khăn do thời tiết bất lợi cực đoan để tổ chức sản xuất hiệu quả; chủ động bám sát các cấp quản lý ở Địa phương và Trung ương để thực hiện các thủ tục xin phép đầu tư trong điều kiện dịch Covid - 19 phức tạp và Địa phương thay đổi đội ngũ cán bộ quản lý.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2020:

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020, Ban kiểm soát nhận thấy mọi mặt hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT, cụ thể như sau:

+ Về SXKD: tổ chức vận hành an toàn, lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 19,74 tỷ đồng đạt 100,89% kế hoạch đề ra; đảm bảo mức cổ tức ĐHĐCĐ giao; bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn hiệu quả. Công ty đã làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

+ Về ĐTXD: đã hoàn thành tất cả các yêu cầu của các Cơ quan QLNN về thủ tục để thẩm định, bổ sung quy hoạch dự án NM Điện gió Tân Lập theo kế hoạch; cơ bản

hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết, đang chờ phê duyệt ĐTM - thủ tục cuối cùng để đủ điều kiện phê duyệt BCNCKT Dự án thủy điện Đăk Pône - Nhà máy thủy điện hồ A - Hạng mục: Nâng đập hồ A và Nhà máy thủy điện hồ B; hoàn thành dự án Kết nối SCADA cho NMTĐ Đăk Pône (hồ A) đảm bảo tiến độ, chất lượng và chi phí.

+ Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 38,84% so với dự toán được duyệt), tăng năng suất lao động 17% so với năm 2019; chủ động thực hiện thành công nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty; không để xảy ra tham ô, lãng phí.

+ Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM hoạt động đúng Điều lệ, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Công ty. CBCNV có môi trường làm việc an toàn, dân chủ, được đảm bảo quyền lợi theo quy định pháp luật, công việc ổn định và thu nhập đảm bảo.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG:

1. Thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát: Ban kiểm soát được mời và đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, giám sát đầy đủ hoạt động điều hành của HĐQT trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã kịp thời khuyến nghị đến HĐQT những vấn đề cần giải quyết để công tác quản lý điều hành hiệu quả hơn, các khuyến nghị của Ban kiểm soát đều được HĐQT xem xét, xử lý kịp thời để hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định Pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo quyền lợi cổ đông.

2. Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc Công ty để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

3. Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu tư Điện lực 3 đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ theo đúng Điều lệ Công ty, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc kiểm tra của Ban kiểm soát tại Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng Pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Công ty.

PHẦN II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH; BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2020

*** Các căn cứ pháp lý:**

- Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/04/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Quyết định số 44/QĐ-EVN ngày 13/02/2018 của HĐQT EVN về việc ban hành Quy chế về công tác kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm toán trong Tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 378 ngày 24/03/2021 của Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC về kiểm toán báo cáo tài chính 2020 của Công ty;

- Báo cáo kết quả kinh doanh và dự kiến phân phối lợi nhuận của Công ty;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020;

I. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và đủ tư cách pháp lý kiểm toán các Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán lập và trình bày theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

Chỉ tiêu	Năm 2020
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	1,89
II. Chỉ tiêu phản ánh khả năng tự chủ về tài chính	
1. Tỷ suất nợ/tổng tài sản	34,94%
2. Tỷ suất nợ/vốn chủ sở hữu	53,69%

Tính đến 31/12/2020, tình hình tài chính của Công ty thể hiện được tính hiệu quả, lành mạnh tích cực:

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả được kiểm soát chặt chẽ, không có phát sinh nợ phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán của Công ty ngày 31/12/2020 phản ánh tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển; tình hình tài chính của Công ty có tính độc lập, đảm bảo nằm trong mức an toàn cho phép.

2. Thẩm định kết quả kinh doanh và tình hình bảo toàn vốn: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty và công tác bảo toàn vốn đến 31/12/2020, như sau:

TT	Nội dung	Công ty	Ghi chú
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	102.850,84	
2	Tổng lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	19.738,91	
3	Vốn điều lệ (triệu đồng)	333.398,91	
4	Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (triệu đồng)	355.566,30	
5	Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (triệu đồng)	356.964,50	
6	Hệ số phát triển vốn = (6)/(5) (lần)	1,004	
7	Đánh giá bảo toàn vốn	Bảo toàn vốn	

- Công ty luôn sử dụng vốn đúng mục đích được giao; không để xảy ra lỗi chủ quan làm thất thoát vốn; luôn bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

II. Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020:

Trong năm 2020, HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện công tác quản lý và điều hành Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty đề ra; hoạt động sản xuất - kinh doanh Công ty có lãi, các chỉ tiêu sinh lời đều đạt kế hoạch đề ra; luôn duy trì và bảo toàn vốn của cổ đông. Ban kiểm soát thống nhất với kết quả đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty năm 2020.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020, Ban kiểm soát kính trình đến Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2021. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian đến.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- EVNCPC (báo cáo);
- HĐQT;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Hoài

DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày ... tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PC3-INVEST, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước Pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 39 Điều lệ công ty

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát: thực hiện theo Điều 40 Điều lệ công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, ông ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/TTr-BKS

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021



TỜ TRÌNH

**Về việc giới thiệu các đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn
thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Qua tìm hiểu một số đơn vị kiểm toán có năng lực và kinh nghiệm và được biết Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung và Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam cùng đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được phép kiểm toán tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp nhận đủ điều kiện để kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thống nhất và ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 43/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi Điều lệ công ty; sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty và
thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Điều lệ công ty sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với yêu cầu của Nhà nước để Đại hội đồng cổ đông thông qua (Nội dung như Phụ lục đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHÂN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Thay đổi các quyền

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 33. Người điều hành Công ty

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài chính

Điều 48. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 50. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

Điều 54. Gia hạn hoạt động

Điều 55. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 27 tháng 4 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **PC3 - Investment Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **PC3-INVEST**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 78A đường Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.2212545
- Fax: 0236.2221000
- E-mail: pc3i@pc3invest.vn
- Website: <https://pc3invest.cpc.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a) Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi - thủy điện, giao thông;
- b) Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi - thủy điện, giao thông, thủy điện, lưới điện;
- c) Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê; kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch; kinh doanh nạo vét, khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- d) Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, viễn thông và thông tin; các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp; các công trình đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xây lắp các

công trình cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;

đ) Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hoà, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước v.v...);

e) Kinh doanh thiết bị xây dựng, vật tư, thiết bị điện;

g) Đào tạo nghề;

h) Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực nguồn, lưới điện, bất động sản... và góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác;

i) Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Tùy theo tình hình phát triển và năng lực cụ thể ở từng giai đoạn mà Công ty sẽ tổ chức hoạt động hoặc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh nào khác cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình nhằm tối đa hoá lợi nhuận của Công ty, nâng cao giá trị Công ty; giải quyết hài hòa lợi ích của cổ đông - người lao động - cộng đồng xã hội; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 333.398.910.000 (Ba trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, chín trăm mười ngàn đồng Việt Nam)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 33.339.891 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần (trừ cổ phần ưu đãi không được quyền chuyển nhượng) được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn

cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty):

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên

tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh

sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng

tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ

đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết

bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 đến 07 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và được bầu lại tối đa là 02 nhiệm kỳ. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh theo quy định hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng phòng, ban, chi nhánh;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và được bổ nhiệm lại tối đa là 02 nhiệm kỳ. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm và được bầu lại tối đa là 02 nhiệm kỳ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và phù hợp với Quy chế chi tiêu của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng,

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao

dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng trong thời hạn 06 tuần, quá thời hạn nêu trên thì một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

2. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 tại Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lương Minh

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG	78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.698.960	246.989.600.000	74,08	0400101394	
2	CÔNG TY TNHH ĐẠI HOÀNG HÀ	P201-203A, tòa nhà Licogi 13 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	535.392	5.353.920.000	1,61	0100777047	
3	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH	170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.722.520	17.225.200.000	5,17	0301412222	
4	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP VIỆT Á	Tòa nhà Việt Á, số 9, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	205.920	2.059.200.000	0,62	0100362998	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HOÀ	11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.369.940	13.699.400.000	4,11	4200601069	